

CHƯƠNG 5 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG MUA HÀNG TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

5.1. Các phương thức mua hàng, thời điểm ghi nhận hàng mua và cách tính trị giá vốn của hàng hoá mua.

5.1.1. Các phương thức mua hàng và thời điểm ghi nhận hàng mua

a. Khái niệm

Mua hàng là khâu khởi đầu của hoạt động thương mại là quá trình vốn của doanh nghiệp được chuyển từ hình thái tiền tệ sang hình thái hàng hóa. Doanh nghiệp nắm được sở hữu về hàng hóa và mất quyền sở hữu về tiền tệ hoặc phải có trách nhiệm thanh toán tiền hàng.

b. Các phương thức mua hàng

- Mua theo phương thức nhận hàng: căn cứ vào hợp đồng kí kết đơn vị cử cán bộ nghiệp vụ đến nhận hàng tại đơn vị cung cấp hoặc trực tiếp đi thu mua hàng hóa của người sản xuất, sau đó chịu trách nhiệm chuyển hàng hóa về doanh nghiệp.
- Mua hàng theo phương thức gửi hàng: căn cứ vào hợp đồng kí kết bên bán gửi hàng đến cho doanh nghiệp tại kho hoặc tại địa điểm doanh nghiệp quy định trước.

c. Thời điểm ghi chép hàng mua

c1. Phạm vi xác định hàng mua

* Được coi là hàng mua và hạch toán vào chi tiêu hàng mua khi đồng thời thỏa mãn 3 điều kiện:

- Phải thông qua 1 phương thức mua bán và thanh toán theo 1 thể thức nhất định
- Hàng mua phải đúng mục đích: để bán hoặc gia công chế biến để bán
- Đơn vị phải được quyền sở hữu về hàng hóa và mất quyền sở hữu về tiền tệ

* Không được coi là hàng mua trong các trường hợp sau:

- Hàng mua về được tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp
- Hàng mua về để sửa chữa lớn hoặc xây dựng cơ bản
- Hàng nhận bán đại lý kí gửi
- Hàng hao hụt tổn thất trong quá trình mua theo hợp đồng bên bán phải chịu

- Trường hợp ngoại lệ được coi là hàng mua: hàng hóa hao hụt tồn thất trong quá trình mua theo hợp đồng bên mua phải chịu

c2. Thời điểm xác định hàng mua

- Là thời điểm chuyển tiền sở hữu, thời điểm này xác định phụ thuộc vào phương thức mua hàng

+ Nếu mua theo phương thức nhận hàng thì là thời điểm chuyển tiền sở hữu đi, cán bộ nghiệp vụ nhận hàng hóa kí xác nhận vào chứng từ đã thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán

+ Nếu mua theo phương thức gửi hàng thì là thời điểm chuyển tiền sở hữu đi, đơn vị nhận được hàng hóa do bên bán chuyển đến, kí xác nhận vào chứng từ đã thanh toán tiền hàng hoặc kí chấp nhận thanh toán

5.1.2. Phương thức xác định giá thực tế hàng mua

* Phải tuân thủ nguyên tắc giá gốc

- Đối với hàng hóa mua ngoài

Giá thực tế hàng mua = Giá thanh toán với người bán + thuế nhập khẩu, TTĐB + chi phí phát sinh khi mua - chiết khấu TM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

- Thuế GTGT của hàng mua có tính vào giá thực tế của hàng hóa hay không phụ thuộc vào hàng mua dùng cho hoạt động kinh doanh dùng cho hoạt động kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế hay không chịu thuế GTGT và doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ hay trực tiếp

- Trường hợp hàng mua về có bao bì đi cùng hàng hóa có tính giá riêng thì trị giá bao bì phải được bóc tách và theo dõi riêng trên TK 1532

- Trường hợp hàng mua về chưa bán ngay mà phải qua gia công chế biến thì toàn bộ chi phí trong quá trình gia công chế biến sẽ được tính vào giá thực tế của hàng hóa nhập kho
Giá thực tế hàng hóa = Giá hàng hóa xuất gia công chế biến + chi phí gia công chế biến

5.2. Kế toán hoạt động mua hàng tại DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX.

5.2.1. Hạch toán ban đầu

- Hóa đơn GTGT: do bên bán lập được viết thành 3 liên: người mua hàng sẽ giữ liên 2, trên hóa đơn GTGT phải ghi rõ giá bán chưa thuế GTGT, thuế GTGT và tổng giá thanh toán

- Hóa đơn bán hàng: Nếu mua hàng ở cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc thuộc đối tượng không phải nộp thuế GTGT thì chứng từ mua hàng là hóa đơn bán hàng

- Bảng kê mua hàng: Nếu mua hàng ở thị trường tự do thì chứng từ mua hàng là bảng kê mua hàng do cán bộ mua hàng lập và phải ghi rõ họ tên địa chỉ người bán, số lượng, đơn giá của từng mặt hàng và tổng giá thanh toán

- Biên bản kiểm nhận hàng hóa

- Các chứng từ thanh toán như phiếu chi, giấy báo nợ, phiếu thanh toán

5.2.2. Tài khoản sử dụng TK: 151,156,131,331

a, TK 151:(Hàng mua đang đi đường)

Nội dung: phản ánh số hiện có và tình hình biến động, trị giá hàng hoá mà doanh nghiệp đã mua nhưng cuối tháng chưa kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu:

TK151	
Trị giá hàng tồn kho đang đi đường cuối tháng tăng	- Nhập kho hàng mua đang đi đường tháng trước - Bán thẳng hàng đang đi đường - Hàng tổn thất, mất mát trong quá trình vận chuyển

Số dư: trị giá hàng mua đang đi đường hiện còn đến cuối kỳ

b, TK 156: hàng hoá

Nội dung: phản ánh tình hình tăng giảm số hiện có và tình hình biến động trị giá hàng hoá tồn kho của doanh nghiệp

Kết cấu:

TK156

- Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ	- Trị giá hàng hoá xuất kho trong kỳ
- Chi phí thu mua	- Phân bổ chi phí thu mua
	- Chứng khoán thương mại, giảm giá hàng mua, hàng mua bị trả lại

Số dư: trị giá hàng tồn kho cuối kỳ

* Tk156 có TK cấp2:

- Tk1561: Giá mua hàng hoá
- Tk1562: Chi phí thu mua
- Tk1567: Hàng hoá bất động sản đầu tư

c, TK 133: thuế GTGT được khấu trừ:

Nội dung: Phản ánh số thuế GTGT được khấu trừ và tình hình thuế GTGT

Kết cấu:

TK133

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ thương mại.	- Khấu trừ thuế GTGT
	- Thuế GTGT của hàng mua bị trả lại, giảm giá, chứng khoán
<u>Số dư</u> : số thuế GTGT còn được khấu trừ hoặc hoàn lại tiếp ở kỳ sau	- Hoàn thuế GTGT đầu vào
	- Phân bổ thuế GTGT đầu vào không được khấu

d, TK 331: Phải trả người bán

Nội dung: phản ánh công nợ và tình hình thanh toán công nợ với người bán

Kết cấu:

TK331	
- Thanh toán nợ cho người bán - Ứng trước tiền mua hàng cho người bán	- Nợ phải trả người bán tăng - Nhận hàng liên quan đến người ứng trước

Số dư: Số tiền ứng trước cho
người bán còn đến cuối kỳ

Số dư: Nợ phải trả người bán
còn đến cuối kỳ

5.2.3. Phương pháp kế toán

a, Kế toán hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

* Kế toán mua hàng theo phương thức nhận hàng

- Khi mua hàng về nhập kho

Nợ TK 156: Giá mua hàng hoá

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111,112,331: Tổng giá thanh toán

- Nếu phát sinh chi phí trong quá trình mua

Nợ TK 1562: Chi phí thu mua

Nợ TK 133: thuế GTGT

Có TK 111, 112,331

- Nếu có bao bì đi kèm hàng hoá tính tiền riêng khi nhập kho

Nợ TK 1532: Trị giá bao bì

Nợ TK 133:

Có TK 111,112,331

Ví dụ:

Doanh nghiệp mua một số hàng trị giá 200 tr, VAT 10% tiền mua hàng còn nợ người bán

Bao bì đi cùng hàng tính giá riêng trị giá 2tr, thuế VAT 5% trả bằng tiền mặt
Trong quá trình mua hàng phát sinh chi phí vận chuyển là 1500tr thuế VAT 10% đã trả bằng tiền gửi ngân hàng

Giải:(Đvt: đồng)

Nợ TK156: 200.000.000
Nợ TK133: 20.000.000
Có TK331: 220.000.000

Phản ánh chi phí phát sinh:

Nợ TK1562: 1.500.000
Nợ TK133: 150.000
Có TK112: 1.650.000

Bao bì

Nợ TK1532: 2.000.000
Nợ TK133: 100.000
Có TK111: 2.100.000

* Kế toán mua hàng theo phương thức gửi hàng

- Hàng và chứng từ cùng về (hạch toán tương tự như trường hợp trên)
- Hàng về trước chứng từ về sau.

+ Doanh nghiệp làm thủ tục nhập kho, kế toán ghi sổ hàng tồn kho theo giá tạm tính

Nợ TK 156: | giá tạm tính
Có TK 111,112,331 |

+ Khi nhận được chứng từ xác nhận được giá chính thức

phản ánh thuế GTGT

Nợ TK 133 | theo hoá đơn
Có TK 111,112,331 |

Sử lý chênh lệch

Nợ TK 156 | chênh lệch tăng
Có TK 111,112,331 |

Hoặc

Nợ TK 111,112,331		chênh lệch giảm
Có TK 156		

Ví dụ:

Doanh nghiệp mua một lô hàng cuối tháng hàng chuyển đến chưa có hoá đơn, doanh nghiệp ước tính nhập kho theo giá 150.000.000 VAT10%

Sang tháng sau chứng từ bên bán chuyển đến trị giá hàng hoá là 140tr VAT 10% kế toán điều chỉnh lại sổ sách

Giải: (Đvt: 1.000.000)

Nợ TK156: 150
Có TK331: 150
Nợ TK133: 14
Có TK331: 14

xử lý chênh lệch:

Nợ TK331: 10
Có TK156: 10

- Chứng từ về trước hàng về sau

Nợ TK151:
Nợ TK133:
Có TK111,112,331

Khi hàng về nhập kho

Nợ TK156
Có TK151

- Khi nhận được chứng từ nhưng chưa có hàng thì kế toán chỉ lưu chứng từ vào hồ sơ, hàng đang đi đường nếu trên đường về thì kế toán xử lý như TH1, nếu cuối tháng hàng chưa về thì kế toán mới phản ánh vào 151.

* Kế toán các trường hợp phát sinh trong quá trình mua:

TH1: Chiết khấu thương mại mua hàng

- phát sinh ngay lúc mua thì khoản chiết khấu này đã được trừ trực tiếp vào giá mua của hàng hoá nên không được thể hiện trên sổ kế toán.

- Phát sinh sau lúc mua kế toán ghi giảm giá thực tế của hàng mua.

Nợ TK 111, 112, 331: giảm công nợ

Có Tk 156,157, 632, 151, 1381: giảm hàng(CKTM)

Có Tk 133: giảm VAT

TH2: Giảm giá hàng mua.

Nợ Tk 111, 112, 331

Có Tk 156, 151

Có Tk 133

TH3: Kế toán hàng mua bị trả lại

Nợ TK 111,112,331

Có TK156,151

Có TK133

TH4: Chiết khấu thanh toán hàng mua: phát sinh trong tường hợp doanh nghiệp thanh toán tiền trước thời hạn cho khách

Nợ TK 111,112,331

chiết khấu thanh toán

Có TK 515

Ví dụ: Nhận được giấy báo hàng thanh toán nợ cho người bán 49tr, chiết khấu thanh toán 2%

Nợ TK 331: 50.000.000

Có TK 112: 49.000.000

Có TK 515: 1.000.000

TH5: Kế toán hàng thiếu trong quá trình mua

- hàng thiếu chưa xác định nguyên nhân

Nợ TK 156: trị giá thực nhập

Nợ TK 1381: hàng thiếu

Nợ TK 133: VAT

Có TK 111,112,331

- Khi xác định được nguyên nhân

+ Do bên bán gửi thiếu

Nếu gửi bổ sung

Nợ TK 156

Có TK 1381

Nếu bên bán không có hàng gửi bổ sung.

Nợ TK 111,112,331

Có TK 1381

Có TK 133

+ Do cán bộ phải bồi thường

Bồi thường theo giá hạch toán

Nợ TK 111,112,1388,334

Có TK 1381

Có TK 133

Bồi thường theo giá phạt

Nợ TK 111,112,334,1388

Có TK 1381

Có TK 711: chênh lệch

+ Nếu doanh nghiệp chịu

Nợ TK 1562: hao hụt trong định mức

Nợ TK 632: hao hụt ngoài định mức

Có TK 1381

Ví dụ:

Doanh nghiệp mua một số hàng hoá trị giá 300tr, VAT 10% tiền mua hàng còn nợ người bán. Hàng mang về nhập kho phát hiện thiếu trị giá 10tr chưa rõ nguyên nhân doanh nghiệp lập biên bản báo cho bên bán biết. thời gian hội đồng xử lý tài sản thiếu xác định nguyên nhân số hàng thiếu do bên bán gửi thiếu không có hàng gửi bổ sung trị giá hàng

8tr, do hao hụt trong định mức 200.000 số còn lại người vi phạm bắt bồi thường theo giá 1,2

Giải:(đvt: đồng)

Nợ TK 156: 290.000.000

Nợ TK 1381: 10.000.000

Nợ TK 133: 30.000.000

Có TK 331: 330.000.000

Nợ TK 331: 8.800.000

Có TK 1381: 8.000.000

Có TK 133: 800.000

Nợ TK1562: 200.000

Có TK 1381: 200.000

Nợ TK 1388: 2.160.000

Có TK 1381: 1.800.000

Có TK 711: 360.000

+ Nếu Doanh nghiệp mua tiếp số hàng thừa :

Nợ TK 156

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331

+ Nếu không xác định được nguyên nhân :

Nợ TK 156 : Trị giá hàng thừa theo giá chưa thuế

Có TK 711 : Ghi tăng thu nhập khác

- Nếu DN cho nhập kho hàng thừa chờ xử lý :

Nợ TK 156		trị giá hàng thừa chưa chưa rõ nguyên nhân
Có TK 3381		

Khi xử lý hàng thừa đã nhập kho:

+ Nếu Bên bán gia thừa :

Nợ Tk 3381

Có TK 156
+ Nếu Doanh nghiệp mua tiếp số hàng thừa :
 Nợ TK 3381
 Nợ TK 133
 Có TK 111,112,331
+ Nếu không tìm ra nguyên nhân :
 Nợ TK 3381
 Có TK 711: thu nhập khác

Ví dụ:

Doanh nghiệp mua một lo hàng hoá trị giá 200.000.000, thuế VAT10% tiền mua hàng doanh nghiệp còn nợ bên bán. Hàng mang về phát hiện thừa doanh nghiệp bảo quản hộ. Thời gian sau hai bên cùng thoả thuận đồng ý mua bán số lượng thừa.

Giải:(đvt: đồng)

Nợ TK 156: 200.000.000
Nợ TK 133: 20.000.000
 Có TK 331: 220.000.000

Nợ TK 156: 5.000.000
Nợ TK 133: 500.000
 Có TK 331: 5.500.000

b, Kết toán hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX và tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Hạch toán tương tự như ở doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ nhưng thuế GTGT đầu vào không được phản ánh trên TK 133 mà phản ánh vào giá của hàng hoá:
TK 151,156

5.2.4. Sổ kế toán

- Đối với hình thức nhật ký chung: Nhật ký chung, nhật ký mua, nhật ký chi, sổ cái TK156,151,133,331

- Sổ chi tiết: Vật tư hàng hoá thanh toán với người bán và thuế GTGT

- Nhật ký chứng từ: Bảng kê số 8 (TK156), nhật ký chứng từ số 6(TK151), nhật ký chứng từ số 10 (TK133), nhật ký chứng từ số 5 (TK111), nhật ký chứng từ số 2 (TK112), sổ cái TK 156,151,133,331

5.3. Kế toán hoạt động mua hàng tại DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

5.3.1. Hạch toán ban đầu

5.3.2. TK sử dụng

TK611: “Mua hàng”

Nội dung: TK này được sd để phản ánh tình hình tăng giảm của hàng tồn kho theo giá thực tế

Kết cấu:

<u>TK611</u>	
- Phản ánh giá trị thực tế của hàng tồn đầu kỳ được kết chuyển sang	- P/a giá trị của hàng xuất dùng, xuất bán trong kỳ.
- Phản ánh giá trị thực tế của hàng tăng trong kỳ	- chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại
	- Kết chuyển giá trị thực tế của hàng tồn kho cuối kỳ

TK cấp 2:

TK6111: mua NVL

TK6112: mua hàng hoá

5.3.2. Trình tự hạch toán

- Đầu kỳ

Kết chuyển trị giá hàng hoá tồn kho đầu kỳ

Nợ TK 611

Có TK 156

Kết chuyển trị giá hàng mua đang đi đường

Nợ TK 611

Có TK 151

Kết chuyển trị giá hàng gửi bán chưa tiêu thụ đầu kỳ

Nợ TK 611

Có TK 157

- Trong kỳ

Khi mua hàng

Nợ TK 611

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331

Khi phát sinh chi phí

Nợ TK 611

Nợ TK 133
Có TK 111,112,331

Khi phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, hàng mua bị trả lại

Nợ TK 111,112,331
Có TK 611
Có TK 133

Khi phát sinh chiết khấu thanh toán

Nợ TK 111,112,331
Có TK 515

Khi phát sinh hàng thiếu trong thu mua

Nợ TK 611
Có TK 3381

- Cuối kỳ

Kết chuyển trị giá hàng tồn kho cuối kỳ

Nợ TK 156
Có TK 611

Kết chuyển trị giá hàng mua đang đi đường cuối kỳ

Nợ TK 151
Có TK 611

Kết chuyển trị giá hàng gửi đi bán chưa tiêu thụ cuối kỳ

Nợ TK 157
Có TK 611

5.4 Kế toán bán hàng

5.4.1. Các phương thức bán hàng, thời điểm ghi nhận hàng bán và cách tính trị giá vốn của hàng hoá xuất bán.

5.4.1.1 Các phương thức bán hàng, thời điểm ghi nhận hàng bán.

a. Khái niệm

- Bán hàng là khâu cuối cùng của hoạt động kinh doanh thương mại, là quy trình vốn của doanh nghiệp được chuyển từ hình thái hàng hoá sang hình thái tiền tệ, doanh nghiệp nắm được quyền sở hữu về tiền tệ hoặc được quyền đòi tiền và mất quyền sở hữu về hàng hoá.

b. Các phương thức bán hàng

* Bán buôn:

- Bán buôn qua kho là phương thức bán buôn mà hàng hoá được xuất ra từ kho của doanh nghiệp được thực hiện bởi hai hình thức.

- Bán buôn qua kho theo hình thức nhận hàng
- Bán buôn qua kho theo hình thức gửi hàng
- Bán buôn chuyển thẳng: là hình thức bán buôn hàng hoá được chuyển thẳng từ đơn vị cung cấp tới cho khách hàng của doanh nghiệp.
- Bán buôn chuyển thẳng theo hình thức nhận hàng

Bán buôn chuyển thẳng theo hình thức gửi hàng

* Bán lẻ:

- Bán lẻ thu tiền tập chung
- Bán lẻ thu tiền trực tiếp

* Bán đại lý:

c. Giá cả

- Giá bán là giá trị hợp lý của hàng hoá

$$\text{Giá bán} = \text{Giá mua} * (1 + \% \text{ thặng số thương mại})$$

Giá bán

$$\text{Giá mua} = \frac{\text{Giá bán}}{1 + \% \text{ thặng số TM}}$$

- Giá xuất kho: Xác định phụ thuộc vào phương pháp tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng trong doanh nghiệp.

- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Nhập trước - xuất trước
- Nhập sau - xuất trước

d. Thời điểm ghi nhận hàng bán.

d1. Phạm vi hàng bán

- Theo quy định hện hành, được coi là hàng bán phải thoả mãn các điều kiện sau:
- Hàng hoá phải thông qua quá trình mua bán và thanh toán theo một phương thức nhất định.

- Hàng hoá phải được chuyển quyền sở hữu từ bên bán sang bên mua và người bán đã thu được tiền hoặc một loại hàng hoá khác hoặc được quyền đòi tiền người mua.

- Hàng hoá bán ra phải thuộc diện kinh doanh.

* Các trường hợp sau được coi là hàng bán:

- Hàng hoá xuất bán cho các đơn vị nội bộ doanh nghiệp có tổ chức kế toán riêng
- Hàng hoá dùng để trao đổi lấy hàng hoá khác không tương tự về bản chất và giá trị.

- Doanh nghiệp xuất hàng hoá của mình để tiêu dùng nội bộ

- Hàng hoá doanh nghiệp mua về và xuất ra làm hàng mẫu

- Hàng hoá xuất để biếu tặng trả lương, trả thưởng cho cán bộ công nhân viên, chia lãi cho bên góp vốn, đối tác lên doanh.

d2. Quy định kế toán doanh thu trong chuẩn mực số 14:

* Các định nghĩa trong chuẩn mực.

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kết toán doanh nghiệp thu được trong kỳ từ các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thanh toán

* Xác định doanh thu

- Bán hàng thu bằng tiền: doanh thu là số tiền hoặc tương đương tiền đã thu được đơn vị bán hàng trả chậm, trả góp thì doanh thu là giá bán thu tiền một lần. (giá bán trả ngay)

- Bán hàng theo phương thức đổi hàng

- Hàng hoá tương đương thì không tạo ra doanh thu

- Hàng hoá không tương đương thì doanh thu là giá trị hợp lý của hàng hoá mang về cộng trừ chênh lệch.

* Ghi nhận doanh thu

- Doanh nghiệp được chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền sở hữu hàng như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá

- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

5.4.2. Kế toán hoạt động bán hàng tại DN hạch toán hàng tồn kho theo PP KCTX

5.4.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT

- Hoá đơn bán hàng

- phiếu xuất kho: kiêm vận chuyển nội bộ

- hợp đồng kinh tế

- chứng từ thanh toán phiếu thu, giấy báo có

5.4.2.2 Tài khoản sử dụng

TK 157, 511, 632, 131

5.4.2.3. Phương pháp kế toán

5.4.2.3.1. Kế toán nghiệp vụ bán buôn

* Kế toán nghiệp vụ bán hàng tại doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế theo phương pháp khấu trừ

a. Kế toán bán buôn theo hình thức nhận hàng

Khi hoàn thành thủ tục chứng từ giao nhận hàng với người mua, người mua đã nhận hàng thì hàng bán được tiêu thụ.

- Phản ánh giá vốn hàng bán:

Nợ TK632:

Có TK156:

- Nếu mua sau đó bán thẳng (bán giao tay 3)

Nợ TK 632: giá mua

Nợ TK 133: VAT đầu vào

Có TK 111, 112, 331: tổng giá thanh toán

- Kết chuyển doanh thu

Nợ TK 111, 112, 331: tổng giá hàng hoá

Có TK511: giá bán

Có TK3331: VAT đầu

- Phản ánh bao bì đi cùng hàng hoá tính tiền riêng

+ Xuất kho

Nợ TK 131: tổng giá thanh toán

Có TK 1532: trị giá bao bì

Có TK3331: VAT đầu ra

+ Mua bao bì sau đó bán thẳng

Nợ TK131:

Nợ TK133:

Có TK331:

Có TK3331:

Ví dụ:

Mua một lô hàng theo hoá đơn GTGT số 1. trị giá mua 300tr. VAT:10%, bao bì đi kèm hàng hoá tính tiền riêng trị giá 3 tr. thuế 10%. tiền hàng và bao bì nhận nợ, số hàng trên sử lý như sau. 1/2 bán giao tay ba, thẳng số 10%. VAT 10% bên mua nhận nợ. 1/2 còn lại chuyển về nhập kho đủ. Chi phí vận chuyển chi bằng tiền mặt 1.980.000, hoá đơn đặc thù, thuế VAT:10% (dvt 1.000.000đ)

Bao bì phân bổ tỷ lệ tương đương với hàng

Giải:

* Bán thẳng

Nợ TK632: 150

Nợ TK133: 15

Có TK331: 165

Nợ TK131: 181.5
Có TK511: 165
Có TK3331: 16.5

Nợ TK131: 1.5
Nợ TK133: 0.15
Có TK331: 1.5
Có TK333: 0.15

* Nhập kho

Nợ TK156: 150
Nợ TK133: 15
Có TK331: 165

Nợ TK1532: 1.5
Nợ TK133: 0.15
Có TK331: 1.65

Nợ TK1562: 1.8
Nợ TK133: 0.18
Có TK331: 1.98

b. Kế toán bán hàng theo hình thức gửi bán

- Phản ánh khi gửi hàng bên mua

* Xuất kho hàng hoá:

Nợ TK157:
Có TK156:

* Bao bì:

Nợ TK1388:
Có TK1532:

- Mua sau đó gửi bán:

* Hàng hoá:

Nợ TK157: giá mua
Nợ TK133: VAT đầu vào
Có TK111,112,331: tổng giá thanh toán

* Bao bì:

Nợ TK1388:
Nợ TK133:
Có TK111,112,331:

- chi phí phát sinh trong quá trình gửi bán:

* Nếu DN chịu

Nợ TK641: chi phí
Nợ TK133: VAT đầu vào

Có TK111,112,331: tổng giá thanh toán

* Chi hộ bên mua

Nợ TK1388

Có TK11,112,331

- Tại điểm giao nhận hàng hoá

* TH1: Nếu bên mua chấp nhận mua hàng

kết chuyển doanh thu:

Nợ TK111,112,131:

Có TK511:

Có TK3331:

kết chuyển giá vốn:

Nợ TK632:

Có TK156

Thu tiền ban bì:

Nợ TK111,112,131

Có TK1388

Có TK3331

Thu hồi chi phí chi hộ

Nợ TK111,112,131

Có TK1388

*TH2: Nếu bên mua không chấp nhận mua lô hàng

Chuyển về nhập kho:

Nợ TK156

Có TK157

Nếu phát sinh chi phí vận chuyển hàng về

Nợ TK641

Nợ TK133

Có TK111,112,331

Nếu có chi phí chi hộ

Nợ TK 641

Nợ TK133

Có Tk1388

Bao bì nhập kho

Nợ TK1532

Có TK1388

Ví dụ:

xuất kho gửi bán cho công ty M một lô hàng theo hoá đơn GTGT số 02 trị giá bán hàng hoá là 250tr bao bì tính giá riêng chưa thuế là 3.600.000 thuế VAT của hàng hoá và bao bì là 10%.

Chi phí vận chuyển giá chưa thuế là 1.500.000. thuế VAT 10% trả bằng tiền mặt (theo hợp đồng bên chịu bán) biết tháng số tiêu thụ của số hàng này là 12% thời gian sau công ty M nhận được hàng và chấp nhận thanh toán.(đvt:1.000.000)

Giải:

Nợ TK157: 250
Có TK156: 250

Nợ TK1388: 3.6
Có TK1532: 3.6

Nợ TK641: 1.5
Nợ TK133: 0.15
Có TK111: 1.65

Người mua chấp nhận thanh toán

Nợ TK131: 308
Có TK511: 280
Có TK3331: 28

Nợ TK632: 250
Có TK157: 250

Nợ TK 131: 3.96
Có TK1388: 3.6
Có TK3331: 0.36

c. Kế toán các TH phát sinh trong quá trình bán

c1. Chiết khấu thương mại bán hàng:

+ Phát sinh ngay lúc bán hàng:

* TH1: Chiết khấu thương mại trừ trước khi lập hoá đơn, khoản chiết khấu này không được thể hiện trên sổ kế toán của doanh nghiệp

* TH2: Thể hiện trên hoá đơn: doanh thu được ghi theo giá bán chưa trừ chiết khấu, chiết khấu thương mại, phản ánh trên tài khoản 5211, thuế VAT được tính trên giá đã trừ chiết khấu.

Nợ TK131,111,112
Nợ TK5211
Có TK511
Có TK3331

+ Phát sinh sau lúc bán hàng

Nợ TK5213
Nợ TK3331
Có TK111,112,131

C2. Giảm giá hàng bán

Phát sinh trong trường hợp hàng đã kèm phẩm chất so với quy định trong hợp đồng. bên mua yêu cầu giảm giá và đơn vị chấp nhận.

Nợ TK5213

Nợ TK3331

Có TK111,112,131

C3. Kế toán hàng bán bị trả lại

- Hàng bị trả lại chưa ghi nhận doanh thu.

+ Nếu hàng chưa chuyển về thì kế toán theo dõi chi tiết trên tài khoản 157

+ Nếu chuyển hàng bị trả lại về nhập kho

Nợ TK156

Có TK157

+ Chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng bị trả lại về nhập kho

Nợ TK641

Nợ TK133

Có TK111,112,331

- Hàng bị trả lại đã ghi nhận doanh thu

Nợ TK5212

Nợ TK3331

Có TK111,112,131

+ Kết chuyển giá vốn hàng bán bị trả lại

Nợ TK156

Nợ TK 157

Có TK632

* Cuối kỳ kết chuyển

Nợ TK511

Có TK5211

Có TK5212

Có TK5213

C4. Chiết khấu thanh toán

Nợ TK 635

Có TK111,112,131

C5. Kế toán hàng thiếu trong quá trình gửi bán

- Nếu phát sinh hàng thiếu trong quá trình gửi bán thì phản ánh doanh thu theo số tiền bên mua chấp nhận thanh toán. Trị giá vốn của hàng thiếu phản ánh như sau:

Nợ TK 1381

Có TK 157

C6. Kế toán hàng thừa trong quá trình gửi bán

- Nếu phát sinh hàng thừa trong quá trình gửi bán kế toán sẽ phản ánh doanh thu theo hóa đơn mà bên mua chấp nhận thanh toán, trị giá vốn của hàng thừa ghi:

Nợ TK 157

Có TK 3381

d. Kế toán nghiệp vụ bán hàng tại doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Khi bán hàng căn cứ vào hoá đơn bán hàng kế toán phản ánh doanh thu